

Số: 1138./QĐ-ĐHBK

Đà Nẵng, ngày 16 tháng 7 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công nhận danh hiệu Lao động tiên tiến cho tập thể và cá nhân
năm học 2017 - 2018

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC BÁCH KHOA

Căn cứ Nghị định số 32/CP ngày 04/4/1994 của Chính phủ về việc thành lập Đại học Đà Nẵng;

Căn cứ Thông tư số 08/2014/TT-BGDĐT ngày 20/3/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của đại học vùng và các cơ sở giáo dục đại học thành viên;

Căn cứ Quy chế chi tiêu nội bộ của Đại học Đà Nẵng ban hành kèm theo Quyết định số 199/QĐ-ĐHĐN ngày 10/01/2012 của Giám đốc Đại học Đà Nẵng;

Căn cứ Quyết định số 114/QĐ-ĐHBK-HCTH ngày 23/5/2012 của Hiệu trưởng Trường Đại học Bách khoa về việc ban hành Phụ lục Quy chế chi tiêu nội bộ;

Căn cứ Công văn số 1779/ĐHĐN-PCTĐ ngày 28/5/2018 của Đại học Đà Nẵng về việc tổng kết, đánh giá thi đua, khen thưởng năm học 2017-2018;

Căn cứ danh sách đề nghị khen thưởng của các đơn vị và Biên bản cuộc họp Hội đồng Thi đua-Khen thưởng Trường Đại học Bách khoa ngày 09/7/2018;

Xét đề nghị của Trưởng Phòng Thanh tra – Pháp chế,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay công nhận danh hiệu "Lao động tiên tiến" năm học 2017 - 2018 cho 22 tập thể và 510 cá nhân thuộc trường Đại học Bách khoa (*danh sách kèm theo*);

Điều 2. Mức tiền thưởng thực hiện theo quy định tại Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ, trích từ quỹ thi đua khen thưởng của Nhà trường:

- Tập thể: 1.100.000 đồng (*Một triệu một trăm ngàn đồng*),
- Cá nhân: 420.000 đồng (*Bốn trăm hai mươi ngàn đồng*);

Điều 3. Trưởng Phòng Thanh tra - Pháp chế, Trưởng Phòng Kế hoạch - Tài chính, Trưởng các đơn vị và cá nhân có tên trong danh sách căn cứ quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Ban PC và Thi đua ĐHĐN (để b/cáo)
- Lưu: VT, TTTC.

HIỆU TRƯỞNG



PGS.TS. ĐOÀN QUANG VINH

**DANH SÁCH TẬP THỂ VÀ CÁ NHÂN
ĐƯỢC CÔNG NHẬN DANH HIỆU LAO ĐỘNG TIỀN TIẾN
NĂM HỌC 2017-2018**

(Kèm theo Quyết định số 1638 /QĐ-ĐHBK ngày 16 / 7 /2018
của Hiệu trưởng Trường Đại học Bách khoa)

I- Tập thể Lao động tiên tiến:

1.	Khoa Công nghệ Nhiệt – Điện lạnh
2.	Khoa Công nghệ Thông tin
3.	Khoa Cơ khí
4.	Khoa Cơ khí Giao thông
5.	Khoa Điện
6.	Khoa Điện tử - Viễn thông
7.	Khoa Hóa
8.	Khoa Kiến trúc
9.	Khoa Môi trường
10.	Khoa Quản lý Dự án
11.	Khoa Xây dựng Cầu đường
12.	Khoa Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp
13.	Khoa Xây dựng Thủy lợi – Thủy điện
14.	Phòng Công tác Sinh viên
15.	Phòng Cơ sở Vật chất
16.	Phòng Đào tạo
17.	Phòng Kế hoạch – Tài chính
18.	Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục
19.	Phòng Khoa học Công nghệ và Hợp tác Quốc tế
20.	Phòng Thanh tra – Pháp chế
21.	Phòng Tổ chức – Hành chính
22.	Trung tâm Học liệu và Truyền thông

II- Cá nhân Lao động tiên tiến:

TT	Họ và tên	Đơn vị
1.	Hoàng Ngọc Đông	Khoa CN Nhiệt – Điện lạnh
2.	Mã Phước Hoàng	Khoa CN Nhiệt – Điện lạnh
3.	Bùi Thị Hương Lan	Khoa CN Nhiệt – Điện lạnh
4.	Trần Thị Mỹ Linh	Khoa CN Nhiệt – Điện lạnh
5.	Ngô Phi Mạnh	Khoa CN Nhiệt – Điện lạnh
6.	Nguyễn Đức Minh	Khoa CN Nhiệt – Điện lạnh
7.	Hồ Hoàng Quỳnh Như	Khoa CN Nhiệt – Điện lạnh
8.	Thái Ngọc Sơn	Khoa CN Nhiệt – Điện lạnh
9.	Trần Thanh Sơn	Khoa CN Nhiệt – Điện lạnh
10.	Trần Văn Vang	Khoa CN Nhiệt – Điện lạnh
11.	Nguyễn Thành Văn	Khoa CN Nhiệt – Điện lạnh
12.	Phạm Duy Vũ	Khoa CN Nhiệt – Điện lạnh
13.	Nguyễn Thanh Bình	Khoa Công nghệ Thông tin
14.	Huỳnh Hữu Hưng	Khoa Công nghệ Thông tin
15.	Lê Thị Mỹ Hạnh	Khoa Công nghệ Thông tin

TT	Họ và tên	Đơn vị
16.	Phạm Minh Tuấn	Khoa Công nghệ Thông tin
17.	Nguyễn Văn Hiệu	Khoa Công nghệ Thông tin
18.	Ninh Khánh Duy	Khoa Công nghệ Thông tin
19.	Võ Đức Hoàng	Khoa Công nghệ Thông tin
20.	Phan Huy Khánh	Khoa Công nghệ Thông tin
21.	Trương Ngọc Châu	Khoa Công nghệ Thông tin
22.	Nguyễn Tấn Khôi	Khoa Công nghệ Thông tin
23.	Nguyễn Văn Nguyên	Khoa Công nghệ Thông tin
24.	Hoàng Thị Hương	Khoa Công nghệ Thông tin
25.	Đặng Hoài Phương	Khoa Công nghệ Thông tin
26.	Nguyễn Thế Xuân Ly	Khoa Công nghệ Thông tin
27.	Lưu Đức Bình	Khoa Cơ khí
28.	Tào Quang Bằng	Khoa Cơ khí
29.	Lê Hoài Nam	Khoa Cơ khí
30.	Võ Như Thành	Khoa Cơ khí
31.	Trần Xuân Tuyền	Khoa Cơ khí
32.	Phạm Nguyễn Quốc Huy	Khoa Cơ khí
33.	Trần Quang Khải	Khoa Cơ khí
34.	Nguyễn Lê Minh	Khoa Cơ khí
35.	Đinh Hoài Nam	Khoa Cơ khí
36.	Ngô Thanh Nghị	Khoa Cơ khí
37.	Nguyễn Danh Ngọc	Khoa Cơ khí
38.	Dương Tấn Quang	Khoa Cơ khí
39.	Trần Đình Sơn	Khoa Cơ khí
40.	Trần Phước Thanh	Khoa Cơ khí
41.	Trần Minh Thông	Khoa Cơ khí
42.	Võ Đình Trung	Khoa Cơ khí
43.	Đặng Phước Vinh	Khoa Cơ khí
44.	Võ Trần Anh	Khoa Cơ khí
45.	Nguyễn Linh Giang	Khoa Cơ khí
46.	Đặng Xuân Thủy	Khoa Cơ khí
47.	Trần Ngọc Hải	Khoa Cơ khí
48.	Nguyễn Tấn Minh	Khoa Cơ khí
49.	Nguyễn Phạm Thế Nhân	Khoa Cơ khí
50.	Trần Minh Sang	Khoa Cơ khí
51.	Hoàng Văn Thạnh	Khoa Cơ khí
52.	Vũ Duy Thuận	Khoa Cơ khí
53.	Trần Văn Tiến	Khoa Cơ khí
54.	Nguyễn Văn Tuấn	Khoa Cơ khí
55.	Nguyễn Phúc Nghĩa	Khoa Cơ khí
56.	Nguyễn Thị Bích Ngọc	Khoa Cơ khí
57.	Lê Cung	Khoa Cơ khí Giao thông
58.	Nguyễn Văn Thiên Ân	Khoa Cơ khí Giao thông
59.	Phạm Quốc Thái	Khoa Cơ khí Giao thông
60.	Phan Thành Long	Khoa Cơ khí Giao thông
61.	Nguyễn Văn Triều	Khoa Cơ khí Giao thông
62.	Trần Văn Luận	Khoa Cơ khí Giao thông

TT	Họ và tên	Đơn vị
63.	Nguyễn Đình Sơn	Khoa Cơ khí Giao thông
64.	Nguyễn Việt Hải	Khoa Cơ khí Giao thông
65.	Nguyễn Quang Trung	Khoa Cơ khí Giao thông
66.	Phùng Minh Nguyên	Khoa Cơ khí Giao thông
67.	Lê Văn Tụy	Khoa Cơ khí Giao thông
68.	Huỳnh Bá Vang	Khoa Cơ khí Giao thông
69.	Nguyễn Võ Đạo	Khoa Cơ khí Giao thông
70.	Nguyễn Xuân Sơn	Khoa Cơ khí Giao thông
71.	Võ Anh Vũ	Khoa Cơ khí Giao thông
72.	Võ Như Tùng	Khoa Cơ khí Giao thông
73.	Nguyễn Thị Huyền Trang	Khoa Cơ khí Giao thông
74.	Lâm Thị Hồng Nhật	Khoa Cơ khí Giao thông
75.	Nguyễn Văn Yên	Khoa Cơ khí Giao thông
76.	Dương Thọ	Khoa Cơ khí Giao thông
77.	Thái Hoàng Phong	Khoa Cơ khí Giao thông
78.	Nguyễn Văn Quyền	Khoa Cơ khí Giao thông
79.	Huỳnh Vinh	Khoa Cơ khí Giao thông
80.	Tôn Nữ Huyền Trang	Khoa Cơ khí Giao thông
81.	Bùi Minh Hiền	Khoa Cơ khí Giao thông
82.	Bùi Tuấn Việt Long	Khoa Cơ khí Giao thông
83.	Nguyễn Văn Minh	Khoa Cơ khí Giao thông
84.	Nguyễn Tiến Thừa	Khoa Cơ khí Giao thông
85.	Nguyễn Việt Thuận	Khoa Cơ khí Giao thông
86.	Lê Minh Đức	Khoa Cơ khí Giao thông
87.	Nguyễn Thị Băng Tuyền	Khoa Cơ khí Giao thông
88.	Thái Bá Chiến	Khoa Cơ khí Giao thông
89.	Nguyễn Công Hành	Khoa Cơ khí Giao thông
90.	Nguyễn Ngọc Tân	Khoa Cơ khí Giao thông
91.	Ngô Phan Thu Hương	Khoa Cơ khí Giao thông
92.	Trịnh Xuân Long	Khoa Cơ khí Giao thông
93.	Phạm Ngọc Quang	Khoa Cơ khí Giao thông
94.	Nguyễn Hữu Hiếu	Khoa Điện
95.	Trịnh Trung Hiếu	Khoa Điện
96.	Lưu Ngọc An	Khoa Điện
97.	Phan Đình Chung	Khoa Điện
98.	Lê Đình Dương	Khoa Điện
99.	Lê Kim Hùng	Khoa Điện
100.	Phạm Văn Kiên	Khoa Điện
101.	Nguyễn Hồng Việt Phương	Khoa Điện
102.	Dương Minh Quân	Khoa Điện
103.	Trần Vinh Tịnh	Khoa Điện
104.	Hạ Đình Trúc	Khoa Điện
105.	Trần Tấn Vinh	Khoa Điện
106.	Lê Tiến Dũng	Khoa Điện
107.	Nguyễn Kim Ánh	Khoa Điện
108.	Trương Thị Bích Thanh	Khoa Điện
109.	Trần Thái Anh Âu	Khoa Điện

TT	Họ và tên	Đơn vị
110.	Trần Thị Minh Dung	Khoa Điện
111.	Nguyễn Quốc Định	Khoa Điện
112.	Giáp Quang Huy	Khoa Điện
113.	Nguyễn Hoàng Mai	Khoa Điện
114.	Ngô Đình Thanh	Khoa Điện
115.	Phan Văn Hiền	Khoa Điện
116.	Trần Văn Chính	Khoa Điện
117.	Nguyễn Bình Nam	Khoa Điện
118.	Nguyễn Thị Ái Nhi	Khoa Điện
119.	Võ Quang Sơn	Khoa Điện
120.	Nguyễn Văn Tân	Khoa Điện
121.	Nguyễn Quang Chung	Khoa Điện
122.	Nguyễn Thế Lực	Khoa Điện
123.	Nguyễn Quang Tân	Khoa Điện
124.	Trần Anh Tuấn	Khoa Điện
125.	Khương Thị Út Thương	Khoa Điện
126.	Nguyễn Rê	Khoa Điện
127.	Đỗ Thị Thu Thảo	Khoa Điện
128.	Nguyễn Thị Hà	Khoa Điện
129.	Nguyễn Hồ Sĩ Hùng	Khoa Điện
130.	Nguyễn Tùng Lâm	Khoa Điện
131.	Lê Hồng Lâm	Khoa Điện
132.	Hoàng Trần Thế	Khoa Điện
133.	Nguyễn Đồng Hải Phương	Khoa Điện
134.	Nguyễn Thị Kim Trúc	Khoa Điện
135.	Lê Lưu Hồng Diễm	Khoa Điện tử - Viễn thông
136.	Trần Thị Hương	Khoa Điện tử - Viễn thông
137.	Nguyễn Tấn Hưng	Khoa Điện tử - Viễn thông
138.	Phan Trần Đăng Khoa	Khoa Điện tử - Viễn thông
139.	Trần Văn Líc	Khoa Điện tử - Viễn thông
140.	Mạc Như Minh	Khoa Điện tử - Viễn thông
141.	Lê Hồng Nam	Khoa Điện tử - Viễn thông
142.	Vũ Văn Thanh	Khoa Điện tử - Viễn thông
143.	Huỳnh Việt Thắng	Khoa Điện tử - Viễn thông
144.	Hồ Phước Tiến	Khoa Điện tử - Viễn thông
145.	Thái Văn Tiến	Khoa Điện tử - Viễn thông
146.	Hoàng Lê Uyên Thục	Khoa Điện tử - Viễn thông
147.	Bùi Thị Minh Tú	Khoa Điện tử - Viễn thông
148.	Ngô Minh Trí	Khoa Điện tử - Viễn thông
149.	Nguyễn Văn Tuấn	Khoa Điện tử - Viễn thông
150.	Nguyễn Duy Nhật Viễn	Khoa Điện tử - Viễn thông
151.	Nguyễn Thị Hồng Yến	Khoa Điện tử - Viễn thông
152.	Dư Nguyễn Hoàng Anh	Khoa Điện tử - Viễn thông
153.	Trần Thị Minh Hạnh	Khoa Điện tử - Viễn thông
154.	Nguyễn Văn Hiếu	Khoa Điện tử - Viễn thông
155.	Hoàng Minh Huy	Khoa Điện tử - Viễn thông
156.	Lê Thị Phương Mai	Khoa Điện tử - Viễn thông

TT	Họ và tên	Đơn vị
157.	Võ Tuấn Minh	Khoa Điện tử - Viễn thông
158.	Tăng Anh Tuấn	Khoa Điện tử - Viễn thông
159.	Huỳnh Thanh Tùng	Khoa Điện tử - Viễn thông
160.	Đặng Minh Nhật	Khoa Hóa
161.	Bùi Viết Cường	Khoa Hóa
162.	Huỳnh Đức	Khoa Hóa
163.	Nguyễn Xuân Hoàng	Khoa Hóa
164.	Phạm Thị Hương	Khoa Hóa
165.	Nguyễn Thị Trúc Loan	Khoa Hóa
166.	Trương Thị Minh Hạnh	Khoa Hóa
167.	Nguyễn Thị Minh Nguyệt	Khoa Hóa
168.	Nguyễn Thị Đông Phương	Khoa Hóa
169.	Nguyễn Trần Phương Thảo	Khoa Hóa
170.	Nguyễn Thị Lê Thoa	Khoa Hóa
171.	Đào Thị Anh Thư	Khoa Hóa
172.	Nguyễn Thị Lan Anh	Khoa Hóa
173.	Nguyễn Thị Ánh Tuyết	Khoa Hóa
174.	Lê Lý Thuỳ Trâm	Khoa Hóa
175.	Bùi Xuân Đông	Khoa Hóa
176.	Nguyễn Hoàng Trung Hiếu	Khoa Hóa
177.	Tạ Ngọc Ly	Khoa Hóa
178.	Nguyễn Hoàng Minh	Khoa Hóa
179.	Đoàn Thị Hoài Nam	Khoa Hóa
180.	Nguyễn Thị Minh Xuân	Khoa Hóa
181.	Ngô Thái Bích Vân	Khoa Hóa
182.	Phạm Thị Kim Thảo	Khoa Hóa
183.	Võ Công Tuấn	Khoa Hóa
184.	Đoàn Thị Thu Loan	Khoa Hóa
185.	Nguyễn Văn Dũng	Khoa Hóa
186.	Phan Thế Anh	Khoa Hóa
187.	Nguyễn Dân	Khoa Hóa
188.	Phan Thị Thuý Hằng	Khoa Hóa
189.	Nguyễn Minh Hoàng	Khoa Hóa
190.	Dương Thế Hy	Khoa Hóa
191.	Phạm Cẩm Nam	Khoa Hóa
192.	Dương Thị Hồng Phấn	Khoa Hóa
193.	Nguyễn Kim Sơn	Khoa Hóa
194.	Hồ Viết Thắng	Khoa Hóa
195.	Phạm Ngọc Tùng	Khoa Hóa
196.	Võ Thị Thu Hiền	Khoa Hóa
197.	Đặng Kim Hoàng	Khoa Hóa
198.	Phan Thanh Sơn	Khoa Hóa
199.	Huỳnh Thị Thanh Thắng	Khoa Hóa
200.	Trương Hữu Trì	Khoa Hóa
201.	Phạm Thị Đoan Trinh	Khoa Hóa
202.	Nguyễn Đình Minh Tuấn	Khoa Hóa
203.	Nguyễn Thị Thanh Xuân	Khoa Hóa

TT	Họ và tên	Đơn vị
204.	Lê Thị Như Ý	Khoa Hóa
205.	Nguyễn Thanh Bình	Khoa Hóa
206.	Nguyễn Hồng Ngọc	Khoa Kiến trúc
207.	Nguyễn Anh Tuấn	Khoa Kiến trúc
208.	Lê Minh Sơn	Khoa Kiến trúc
209.	Trần Văn Tâm	Khoa Kiến trúc
210.	Lê Thị Kim Dung	Khoa Kiến trúc
211.	Trương Phan Thiên An	Khoa Kiến trúc
212.	Nguyễn Ngọc Bình	Khoa Kiến trúc
213.	Phan Ánh Nguyên	Khoa Kiến trúc
214.	Đoàn Trần Hiệp	Khoa Kiến trúc
215.	Vũ Phan Minh Trang	Khoa Kiến trúc
216.	Nguyễn Xuân Trung	Khoa Kiến trúc
217.	Đỗ Hoàng Rong Ly	Khoa Kiến trúc
218.	Lê Phong Nguyên	Khoa Kiến trúc
219.	Ngô Phương	Khoa Kiến trúc
220.	Trương Nguyễn Song Hạ	Khoa Kiến trúc
221.	Lê Thị Ngọc Hiền	Khoa Kiến trúc
222.	Nguyễn Thị Hiền	Khoa Kiến trúc
223.	Nguyễn Lê Hòa	Khoa Khoa học Công nghệ Tiên tiến
224.	Nguyễn Thị Anh Thư	Khoa Khoa học Công nghệ Tiên tiến
225.	Lê Quốc Huy	Khoa Khoa học Công nghệ Tiên tiến
226.	Nguyễn Quang Như Quỳnh	Khoa Khoa học Công nghệ Tiên tiến
227.	Vũ Ngọc Hà	Khoa Khoa học Công nghệ Tiên tiến
228.	Nguyễn Thị Hồng Nhung	Khoa Khoa học Công nghệ Tiên tiến
229.	Thái Vũ Hiền	Khoa Khoa học Công nghệ Tiên tiến
230.	Nguyễn Trí Bằng	Khoa Khoa học Công nghệ Tiên tiến
231.	Nguyễn Hữu Lập Trường	Khoa Khoa học Công nghệ Tiên tiến
232.	Võ Thị Hoàng Châu	Khoa Khoa học Công nghệ Tiên tiến
233.	Lê Thị Nhân	Khoa Khoa học Công nghệ Tiên tiến
234.	Hoàng Thị Hiếu	Khoa Khoa học Công nghệ Tiên tiến
235.	Lê Thị Hoàng Phương	Khoa Khoa học Công nghệ Tiên tiến
236.	Trần Văn Quang	Khoa Môi trường
237.	Nguyễn Đình Huấn	Khoa Môi trường
238.	Nguyễn Lan Phương	Khoa Môi trường
239.	Lê Thị Thu Hường	Khoa Môi trường
240.	Phan Như Thúc	Khoa Môi trường
241.	Lê Năng Định	Khoa Môi trường
242.	Phan Thị Kim Thủy	Khoa Môi trường
243.	Mai Thị Thùy Dương	Khoa Môi trường
244.	Ng Dương Quang Chánh	Khoa Môi trường
245.	Võ Diệp Ngọc Khôi	Khoa Môi trường
246.	Phạm Thị Kim Thoa	Khoa Môi trường
247.	Huỳnh Anh Hoàng	Khoa Môi trường
248.	Lê Thị Xuân Thùy	Khoa Môi trường
249.	Dương Gia Đức	Khoa Môi trường
250.	Hoàng Ngọc Ân	Khoa Môi trường

TT	Họ và tên	Đơn vị
251.	Phạm Đình Long	Khoa Môi trường
252.	Phạm Anh Đức	Khoa Quản lý Dự án
253.	Nguyễn Quang Trung	Khoa QLDA
254.	Trương Quỳnh Châu	Khoa Quản lý Dự án
255.	Nguyễn Thị Cúc	Khoa Quản lý Dự án
256.	Hồ Dương Đông	Khoa Quản lý Dự án
257.	Nguyễn Thị Thảo Nguyên	Khoa Quản lý Dự án
258.	Nguyễn Thị Thu Thủy	Khoa Quản lý Dự án
259.	Huỳnh Nhật Tổ	Khoa Quản lý Dự án
260.	Phạm Thị Trang	Khoa Quản lý Dự án
261.	Huỳnh Thị Minh Trúc	Khoa Quản lý Dự án
262.	Nguyễn Thị Hải Lý	Khoa Quản lý Dự án
263.	Mai Anh Đức	Khoa Quản lý Dự án
264.	Trần Thị Hoàng Giang	Khoa Quản lý Dự án
265.	Đỗ Thanh Huyền	Khoa Quản lý Dự án
266.	Đàm Nguyễn Anh Khoa	Khoa Quản lý Dự án
267.	Hồ Thị Kiều Oanh	Khoa Quản lý Dự án
268.	Nguyễn Đặng Hoàng Thu	Khoa Quản lý Dự án
269.	Ngô Ngọc Tri	Khoa Quản lý Dự án
270.	Nguyễn Thị Tuyết An	Khoa Xây dựng Cầu đường
271.	Trần Thị Phương Anh	Khoa Xây dựng Cầu đường
272.	Nguyễn Biên Cương	Khoa Xây dựng Cầu đường
273.	Nguyễn Thanh Cường	Khoa Xây dựng Cầu đường
274.	Nguyễn Phước Quý Duy	Khoa Xây dựng Cầu đường
275.	Nguyễn Tiến Dũng	Khoa Xây dựng Cầu đường
276.	Đỗ Hữu Đạo	Khoa Xây dựng Cầu đường
277.	Lê Văn Định	Khoa Xây dựng Cầu đường
278.	Nguyễn Thu Hà	Khoa Xây dựng Cầu đường
279.	Đỗ Việt Hải	Khoa Xây dựng Cầu đường
280.	Hoàng Phương Hoa	Khoa Xây dựng Cầu đường
281.	Võ Đức Hoàng	Khoa Xây dựng Cầu đường
282.	Hồ Mạnh Hùng	Khoa Xây dựng Cầu đường
283.	Võ Duy Hùng	Khoa Xây dựng Cầu đường
284.	Võ Hải Lăng	Khoa Xây dựng Cầu đường
285.	Hoàng Trọng Lâm	Khoa Xây dựng Cầu đường
286.	Đoàn Việt Lê	Khoa Xây dựng Cầu đường
287.	Châu Trường Linh	Khoa Xây dựng Cầu đường
288.	Trần Đình Minh	Khoa Xây dựng Cầu đường
289.	Nguyễn Văn Mỹ	Khoa Xây dựng Cầu đường
290.	Huỳnh Phương Nam	Khoa Xây dựng Cầu đường
291.	Phan Hoàng Nam	Khoa Xây dựng Cầu đường
292.	Phạm Văn Ngọc	Khoa Xây dựng Cầu đường
293.	Phạm Ngọc Phương	Khoa Xây dựng Cầu đường
294.	Đỗ Thị Phượng	Khoa Xây dựng Cầu đường
295.	Nguyễn Văn Quang	Khoa Xây dựng Cầu đường
296.	Nguyễn Văn Tê Rôn	Khoa Xây dựng Cầu đường
297.	Phan Đức Tâm	Khoa Xây dựng Cầu đường

TT	Họ và tên	Đơn vị
298.	Nguyễn Duy Thảo	Khoa Xây dựng Cầu đường
299.	Trần Thị Thu Thảo	Khoa Xây dựng Cầu đường
300.	Nguyễn Xuân Toàn	Khoa Xây dựng Cầu đường
301.	Đỗ Quang Trung	Khoa Xây dựng Cầu đường
302.	Hoàng Phương Tùng	Khoa Xây dựng Cầu đường
303.	Trần Trung Việt	Khoa Xây dựng Cầu đường
304.	Trần Khắc Vĩ	Khoa Xây dựng Cầu đường
305.	Nguyễn Hoàng Vĩnh	Khoa Xây dựng Cầu đường
306.	Nguyễn Thị Ngọc Yến	Khoa Xây dựng Cầu đường
307.	Nguyễn Thị Phương Khuê	Khoa Xây dựng Cầu đường
308.	Lê Đức Châu	Khoa Xây dựng Cầu đường
309.	Vũ Hoàng Trí	Khoa Xây dựng Cầu đường
310.	Lê Thị Ái Thi	Khoa Xây dựng Cầu đường
311.	Trần Quang Hưng	Khoa XD Dân dụng & Công nghiệp
312.	Bùi Quang Hiếu	Khoa XD Dân dụng & Công nghiệp
313.	Bùi Thiên Lam	Khoa XD Dân dụng & Công nghiệp
314.	Đặng Công Thuật	Khoa XD Dân dụng & Công nghiệp
315.	Đinh Ngọc Hiếu	Khoa XD Dân dụng & Công nghiệp
316.	Đinh Thị Như Thảo	Khoa XD Dân dụng & Công nghiệp
317.	Đỗ Minh Đức	Khoa XD Dân dụng & Công nghiệp
318.	Lê Bá Định	Khoa XD Dân dụng & Công nghiệp
319.	Lê Cao Tuấn	Khoa XD Dân dụng & Công nghiệp
320.	Lê Khánh Toàn	Khoa XD Dân dụng & Công nghiệp
321.	Lê Ngọc Quyết	Khoa XD Dân dụng & Công nghiệp
322.	Lê Vũ An	Khoa XD Dân dụng & Công nghiệp
323.	Lê Xuân Dũng	Khoa XD Dân dụng & Công nghiệp
324.	Lê Xuân Quang	Khoa XD Dân dụng & Công nghiệp
325.	Mai Chánh Trung	Khoa XD Dân dụng & Công nghiệp
326.	Nguyễn Khánh Linh	Khoa XD Dân dụng & Công nghiệp
327.	Nguyễn Quang Tùng	Khoa XD Dân dụng & Công nghiệp
328.	Nguyễn Văn Chính	Khoa XD Dân dụng & Công nghiệp
329.	Phạm Mỹ	Khoa XD Dân dụng & Công nghiệp
330.	Phạm Ngọc Vinh	Khoa XD Dân dụng & Công nghiệp
331.	Phan Đình Hào	Khoa XD Dân dụng & Công nghiệp
332.	Trần Anh Thiện	Khoa XD Dân dụng & Công nghiệp
333.	Vương Lê Thắng	Khoa XD Dân dụng & Công nghiệp
334.	Trần Thị Lan Oanh	Khoa XD Dân dụng & Công nghiệp
335.	Trần Thị Xuân Thanh	Khoa XD Dân dụng & Công nghiệp
336.	Nguyễn Chí Công	Khoa XD Thủy lợi và Thủy điện
337.	Võ Ngọc Dương	Khoa XD Thủy lợi và Thủy điện
338.	Nguyễn Thế Hùng	Khoa XD Thủy lợi và Thủy điện
339.	Nguyễn Văn Hường	Khoa XD Thủy lợi và Thủy điện
340.	Tô Thúy Nga	Khoa XD Thủy lợi và Thủy điện
341.	Nguyễn Thanh Hải	Khoa XD Thủy lợi và Thủy điện
342.	Lê Hùng	Khoa XD Thủy lợi và Thủy điện
343.	Nguyễn Quang Bình	Khoa XD Thủy lợi và Thủy điện
344.	Phạm Lý Triều	Khoa XD Thủy lợi và Thủy điện

TT	Họ và tên	Đơn vị
345.	Lê Văn Thảo	Khoa XD Thủy lợi và Thủy điện
346.	Ngô Văn Dũng	Khoa XD Thủy lợi và Thủy điện
347.	Đoàn Viết Long	Khoa XD Thủy lợi và Thủy điện
348.	Vũ Huy Công	Khoa XD Thủy lợi và Thủy điện
349.	Đoàn Thụy Kim Phương	Khoa XD Thủy lợi và Thủy điện
350.	Phạm Thành Hưng	Khoa XD Thủy lợi và Thủy điện
351.	Nguyễn Hoàng Lâm	Khoa XD Thủy lợi và Thủy điện
352.	Nguyễn Trường Huy	Khoa XD Thủy lợi và Thủy điện
353.	Nguyễn Công Luyện	Khoa XD Thủy lợi và Thủy điện
354.	Đỗ Thị Kim Anh	Khoa XD Thủy lợi và Thủy điện
355.	Nguyễn Thanh Hào	Khoa XD Thủy lợi và Thủy điện
356.	Hồ Anh Dung	Khoa XD Thủy lợi và Thủy điện
357.	Lê Thị Kim Oanh (Phó Hiệu trưởng)	Phòng Công tác Sinh viên
358.	Đào Thị Hương Duyên	Phòng Công tác Sinh viên
359.	Nguyễn Minh Đạt	Phòng Công tác Sinh viên
360.	Nguyễn Văn Đông	Phòng Công tác Sinh viên
361.	Phùng Huyền Nhung	Phòng Công tác Sinh viên
362.	Đới Phương Thanh	Phòng Công tác Sinh viên
363.	Phạm Trường Thi	Phòng Công tác Sinh viên
364.	Nguyễn Văn Chính	Phòng Công tác Sinh viên
365.	Hoàng Thị Duyên	Phòng Công tác Sinh viên
366.	Lê Thị Minh Hiền	Phòng Công tác Sinh viên
367.	Lê Thị Hoa	Phòng Công tác Sinh viên
368.	Đoàn Anh Hòa	Phòng Công tác Sinh viên
369.	Nguyễn Việt Hùng	Phòng Công tác Sinh viên
370.	Phùng Đình Khai	Phòng Công tác Sinh viên
371.	Trần Nải	Phòng Công tác Sinh viên
372.	Vũ Thị Quyên	Phòng Công tác Sinh viên
373.	Nguyễn Anh Sơn	Phòng Công tác Sinh viên
374.	Nguyễn Trung Tiến	Phòng Công tác Sinh viên
375.	Phan Minh Thắng	Phòng Công tác Sinh viên
376.	Hoàng Thu	Phòng Công tác Sinh viên
377.	Phạm Viết Thương	Phòng Công tác Sinh viên
378.	Lê Hồng Phúc	TT Hỗ trợ Sinh viên & QHDN
379.	Nguyễn Thị Xuân Thu	VP. Đoàn Thanh niên
380.	Đinh Thị Thanh	VP. Đoàn Thanh niên
381.	Dương Việt Dũng	Phòng Cơ sở Vật chất
382.	Huỳnh Tấn Tiến	Phòng Cơ sở Vật chất
383.	Lê Anh Tuấn	Phòng Cơ sở Vật chất
384.	Phan Thị Như Trang	Phòng Cơ sở Vật chất
385.	Huỳnh Dọng	Phòng Cơ sở Vật chất
386.	Lê Mai Thanh Hoàng	Phòng Cơ sở Vật chất
387.	Nguyễn Ngọc Thanh	Phòng Cơ sở Vật chất
388.	Phan Hữu Phát	Phòng Cơ sở Vật chất
389.	Hồ Văn Ly	Phòng Cơ sở Vật chất
390.	Nguyễn Văn Hoàng	Phòng Cơ sở Vật chất
391.	Nguyễn Thị Khương Ánh	Phòng Cơ sở Vật chất

TT	Họ và tên	Đơn vị
392.	Trần Thị Ngọc Ánh	Phòng Cơ sở Vật chất
393.	Nguyễn Văn Bảy	Phòng Cơ sở Vật chất
394.	Nguyễn Văn Hưng	Phòng Cơ sở Vật chất
395.	Nguyễn Duy Phước	Phòng Cơ sở Vật chất
396.	Trịnh Quang Thông	Phòng Cơ sở Vật chất
397.	Nguyễn Thị Lệ	Phòng Cơ sở Vật chất
398.	Trương Thị Nga	Phòng Cơ sở Vật chất
399.	Ngô Thị Thanh Phượng	Phòng Cơ sở Vật chất
400.	Phan Thị Thủy	Phòng Cơ sở Vật chất
401.	Nguyễn Văn Tuấn	Phòng Cơ sở Vật chất
402.	Nguyễn Ngà	Phòng Cơ sở Vật chất
403.	Lương Sơn Tùng	Phòng Cơ sở Vật chất
404.	Trương Văn Thu	Phòng Cơ sở Vật chất
405.	Hồ Quảng Việt	Phòng Cơ sở Vật chất
406.	Phan Minh Đức (Phó Hiệu trưởng)	Phòng Đào tạo
407.	Nguyễn Hồng Hải	Phòng Đào tạo
408.	Nguyễn Văn Phòng	Phòng Đào tạo
409.	Nguyễn Thị Diệu Hằng	Phòng Đào tạo
410.	Nguyễn Anh Tuấn	Phòng Đào tạo
411.	Trương Thị Kim Chi	Phòng Đào tạo
412.	Nguyễn Thị Hải Hà	Phòng Đào tạo
413.	Lê Thị Ngọc Hà	Phòng Đào tạo
414.	Trần Thanh Huyền	Phòng Đào tạo
415.	Phạm Thị Hoàng Lý	Phòng Đào tạo
416.	Lê Hoài Nam	Phòng Đào tạo
417.	Nguyễn Thị Hoài Nhi	Phòng Đào tạo
418.	Phạm Văn Phi	Phòng Đào tạo
419.	Nguyễn Thị Khánh Vân	Phòng Đào tạo
420.	Lâm Hồng Thị Tâm	Phòng Kế hoạch – Tài chính
421.	Hoàng Quang Huy	Phòng Kế hoạch – Tài chính
422.	Dương Thị Nga	Phòng Kế hoạch – Tài chính
423.	Trần Thị Như Linh	Phòng Kế hoạch – Tài chính
424.	Nguyễn Thị Thảo Sương	Phòng Kế hoạch – Tài chính
425.	Nguyễn Thị Hạnh	Phòng Kế hoạch – Tài chính
426.	Phạm Thị Thu Hiền	Phòng Kế hoạch – Tài chính
427.	Nguyễn Anh Huân	Phòng Kế hoạch – Tài chính
428.	Nguyễn Thị Xuân Dung	Phòng Kế hoạch – Tài chính
429.	Phạm Văn Tuấn	Phòng Khảo thí &ĐBCLGD
430.	Nguyễn Chánh Tú	Phòng Khảo thí &ĐBCLGD
431.	Nguyễn Thanh Nam	Phòng Khảo thí &ĐBCLGD
432.	Nguyễn Văn Khai	Phòng Khảo thí &ĐBCLGD
433.	Võ Thị Châu	Phòng Khảo thí &ĐBCLGD
434.	Võ Lê Hoàng Quyên	Phòng Khảo thí &ĐBCLGD
435.	Trương Hoài Chính	Phòng Khoa học CN & HTQT
436.	Nguyễn Đình Lâm	Phòng Khoa học CN & HTQT
437.	Võ Chí Chính	Phòng Khoa học CN & HTQT
438.	Đào Ngọc Thế Lực	Phòng Khoa học CN & HTQT

TT	Họ và tên	Đơn vị
439.	Nguyễn Thành Công	Phòng Khoa học CN & HTQT
440.	Hoàng Nguyễn Diệu Trang	Phòng Khoa học CN & HTQT
441.	Tạ Minh Bảo	Phòng Khoa học CN & HTQT
442.	Đinh Lan Anh	VP. Đảng ủy
443.	Nguyễn Hồng Liên	VP. Công đoàn
444.	Bùi Nữ Thanh Hà	Phòng Thanh tra – Pháp chế
445.	Trần Diễm Thi	Phòng Thanh tra – Pháp chế
446.	Lê Thị Thanh Thu	Phòng Thanh tra – Pháp chế
447.	Nguyễn Thị Phương Thúy	Phòng Thanh tra – Pháp chế
448.	Đoàn Quang Vinh (Hiệu trưởng)	Phòng Tổ chức – Hành chính
449.	Đoàn Anh Tuấn	Phòng Tổ chức – Hành chính
450.	Nguyễn Thị Hoa	Phòng Tổ chức – Hành chính
451.	Nguyễn Văn Cả	Phòng Tổ chức – Hành chính
452.	Nguyễn Thanh Hà	Phòng Tổ chức – Hành chính
453.	Nguyễn Văn Tuấn	Phòng Tổ chức – Hành chính
454.	Nguyễn Thiện Phúc	Phòng Tổ chức – Hành chính
455.	Trần Thị Thủy	Phòng Tổ chức – Hành chính
456.	Trần Thị Nam	Phòng Tổ chức – Hành chính
457.	Trần Thị Dung	Phòng Tổ chức – Hành chính
458.	Trương Thị Mỹ Hiền	Phòng Tổ chức – Hành chính
459.	Hoàng Văn Bôn	Phòng Tổ chức – Hành chính
460.	Phan Quang Đáng	Phòng Tổ chức – Hành chính
461.	Nguyễn Kính	Phòng Tổ chức – Hành chính
462.	Nguyễn Văn Thêm	Phòng Tổ chức – Hành chính
463.	Hồ Anh Tài	Phòng Tổ chức – Hành chính
464.	Nguyễn Văn Dũng	Phòng Tổ chức – Hành chính
465.	Nguyễn Vinh	Phòng Tổ chức – Hành chính
466.	Trần Ngọc Ba	Phòng Tổ chức – Hành chính
467.	Hoàng Vũ Khánh	Phòng Tổ chức – Hành chính
468.	Võ Thị Xuyên	Phòng Tổ chức – Hành chính
469.	Dương Hoài Thọ	Phòng Tổ chức – Hành chính
470.	Nguyễn Thị Việt	Phòng Tổ chức – Hành chính
471.	Bùi Thị Thái	Phòng Tổ chức – Hành chính
472.	Nguyễn Thị Tân	Phòng Tổ chức – Hành chính
473.	Dương Thị Hương	Phòng Tổ chức – Hành chính
474.	Ngô Thị Xuân	Phòng Tổ chức – Hành chính
475.	Vũ Thị Thêm	Phòng Tổ chức – Hành chính
476.	Nguyễn Thị Thanh Thúy	Phòng Tổ chức – Hành chính
477.	Dương Thị Hồng	Phòng Tổ chức – Hành chính
478.	Nguyễn Thị Yên	Phòng Tổ chức – Hành chính
479.	Trần Thị Nhâm	Phòng Tổ chức – Hành chính
480.	Đào Thị Sinh	Phòng Tổ chức – Hành chính
481.	Nguyễn Thị Thảo	Phòng Tổ chức – Hành chính
482.	Huỳnh Thị Liên	Phòng Tổ chức – Hành chính
483.	Đoàn Thị Tố Nga	Phòng Tổ chức – Hành chính
484.	Nguyễn Thị Diễm Hằng	Phòng Tổ chức – Hành chính
485.	Nguyễn Kim Quy	Phòng Tổ chức – Hành chính

TT	Họ và tên	Đơn vị
486.	Cầm Thị Thu Hương	Phòng Tổ chức – Hành chính
487.	Trần Thị Hoa	Phòng Tổ chức – Hành chính
488.	Lê Phước Cường	Trung tâm Học liệu & TT
489.	Nguyễn Thị Dung	Trung tâm Học liệu & TT
490.	Phan Thị Hà Thanh	Trung tâm Học liệu & TT
491.	Hoàng Thị Nhung	Trung tâm Học liệu & TT
492.	Nguyễn Thị Lệ Quyên	Trung tâm Học liệu & TT
493.	Trần Thị Quý Dung	Trung tâm Học liệu & TT
494.	Hoàng Thị Thu Sương	Trung tâm Học liệu & TT
495.	Võ Thị Thu Hương	Trung tâm Học liệu & TT
496.	Đặng Ngọc Tuấn	Trung tâm Học liệu & TT
497.	Nguyễn Thị Mai Hà	Trung tâm Học liệu & TT
498.	Tôn Thất Minh Mẫn	Trung tâm Học liệu & TT
499.	Nguyễn Thị Phụng	Trung tâm Học liệu & TT
500.	Nguyễn Quang Trung	Trung tâm Học liệu & TT
501.	Mai Thanh Bình	Trung tâm Học liệu & TT
502.	Trần Thanh Sơn	Trung tâm Học liệu & TT
503.	Lê Thị Kim Oanh	Trung tâm Học liệu & TT
504.	Nguyễn Thị Xuân Tươi	Trung tâm Học liệu & TT
505.	Lê Thị Kim Ngân	Trung tâm Học liệu & TT
506.	Phạm Anh Tuấn	Tổ Công nghệ Thông tin
507.	Võ Ngọc Hải	Tổ Công nghệ Thông tin
508.	Nguyễn Công Kha	Tổ Công nghệ Thông tin
509.	Nguyễn Năng Hùng Vân	Tổ Công nghệ Thông tin
510.	Huỳnh Thị Đoan Phượng	Tổ Công nghệ Thông tin

Tổng cộng: 22 đơn vị đạt danh hiệu Tập thể Lao động tiên tiến

510 cá nhân đạt danh hiệu Lao động tiên tiến